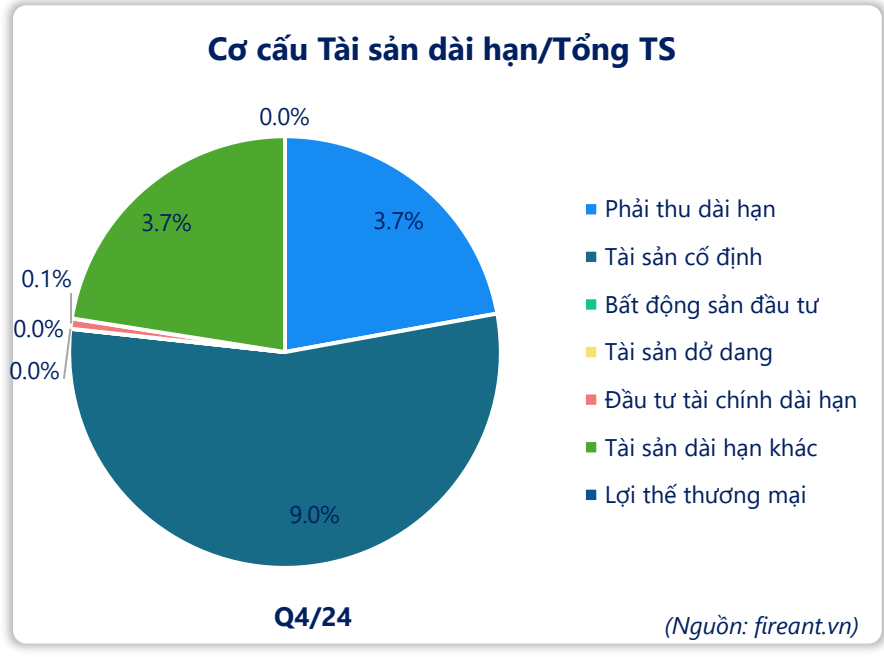
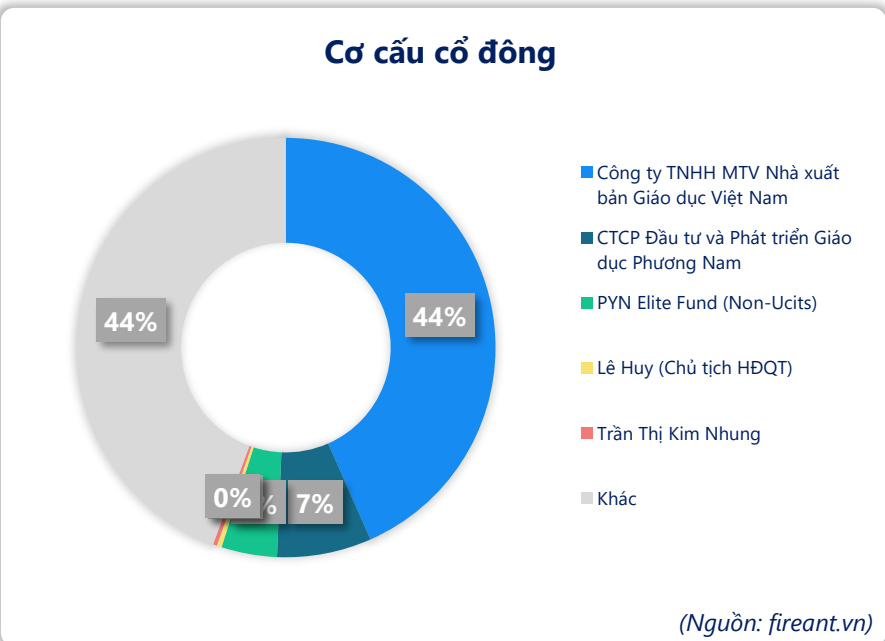
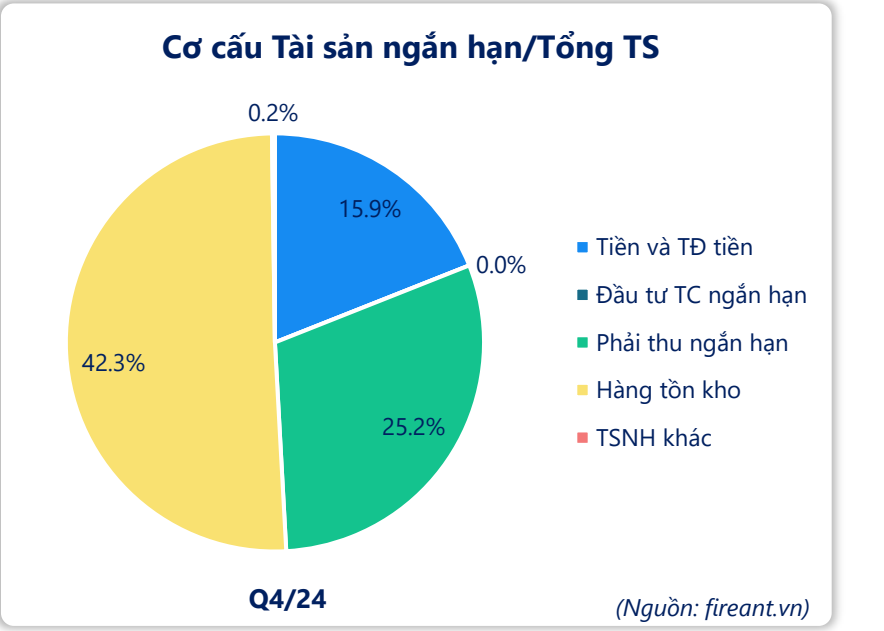
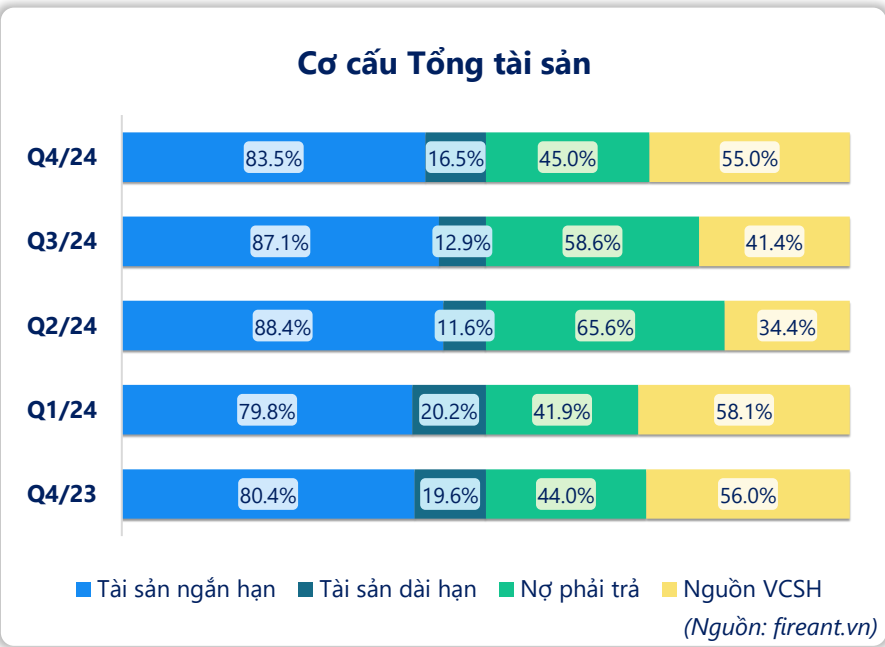
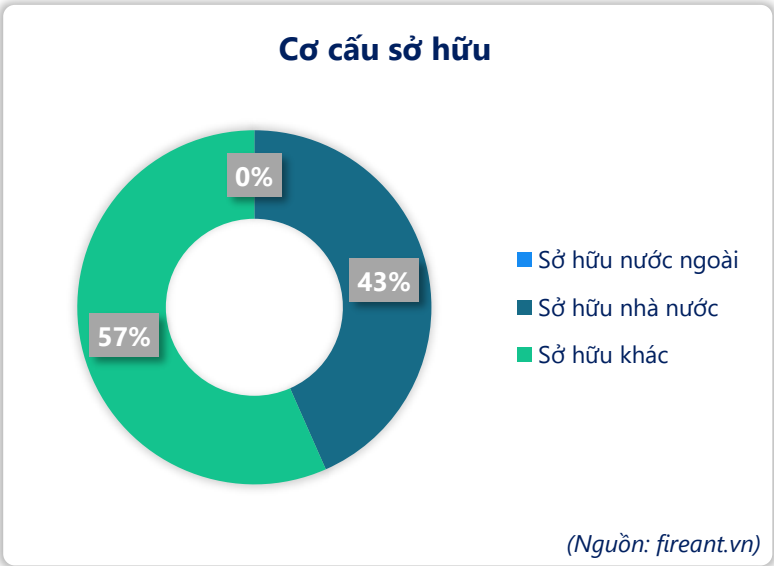
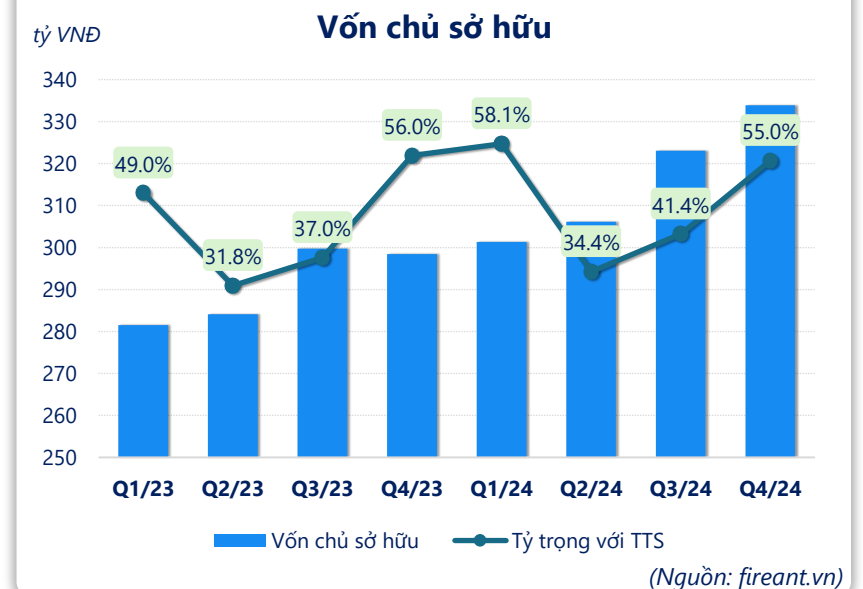
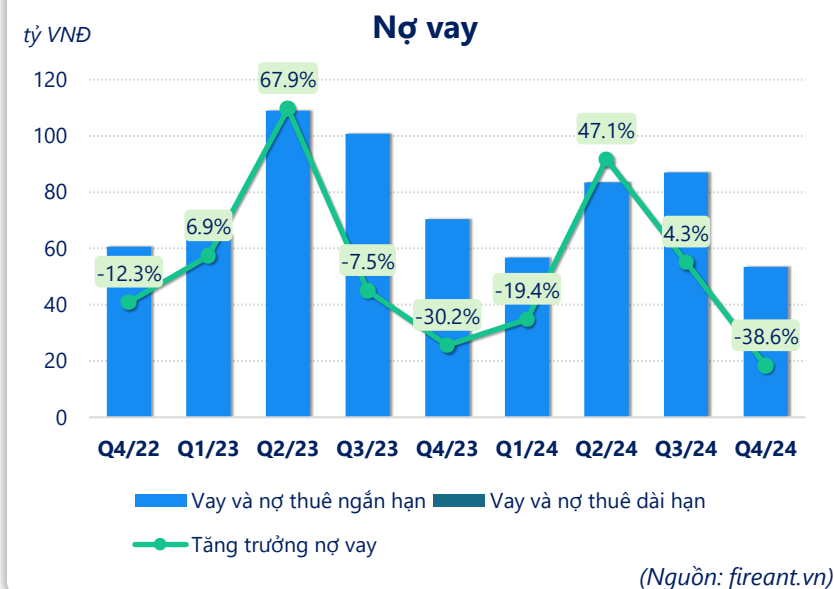
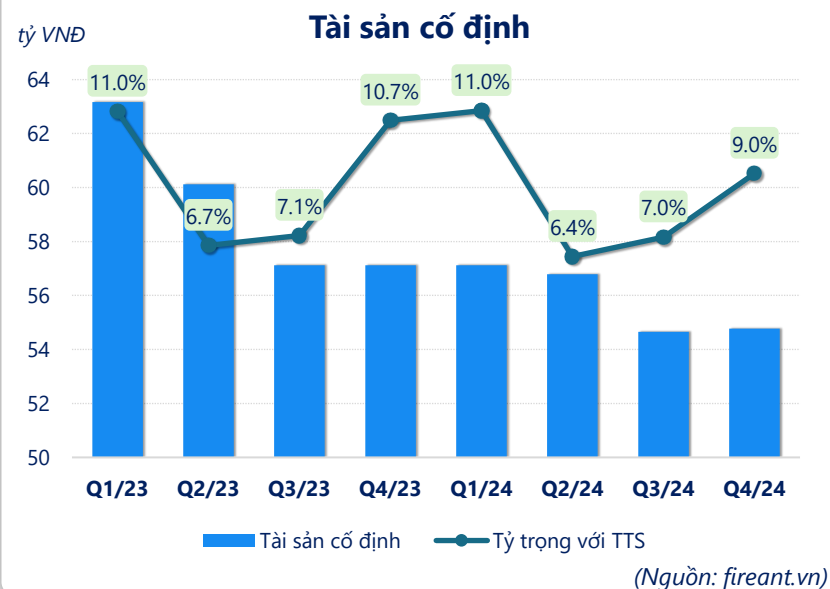
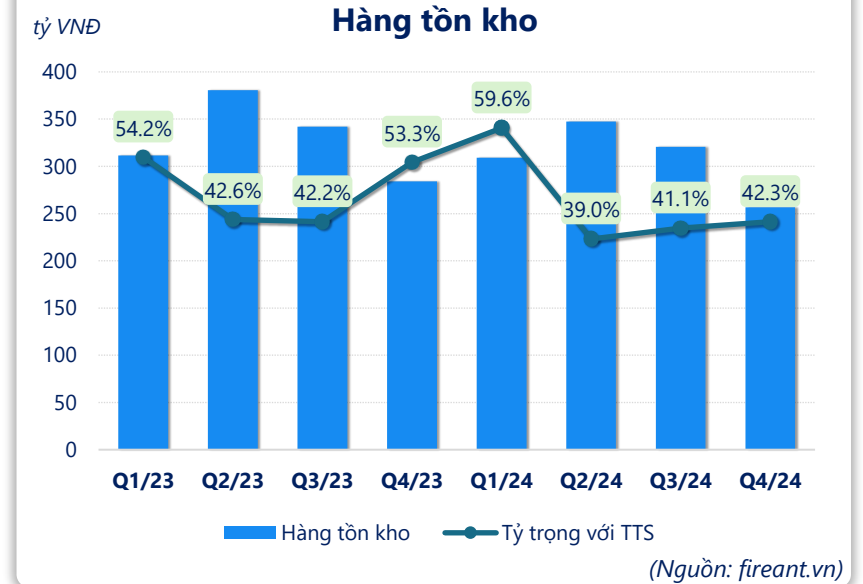
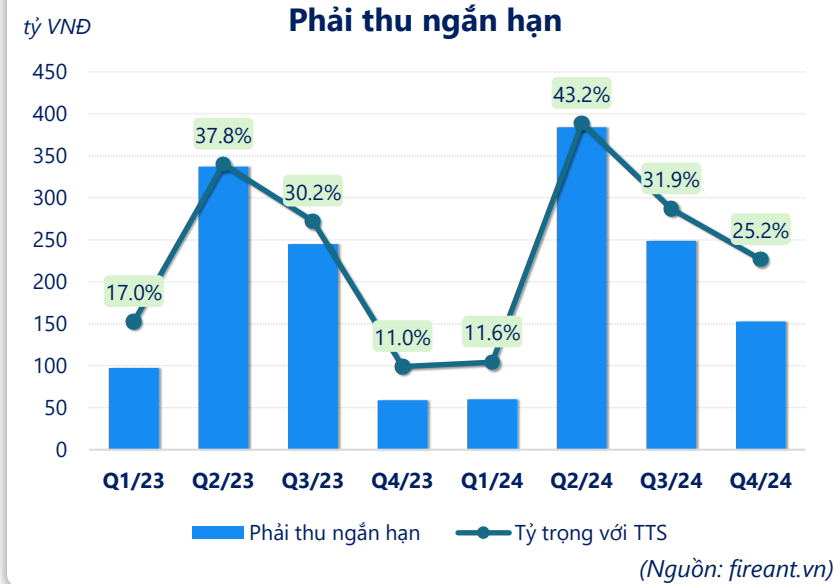
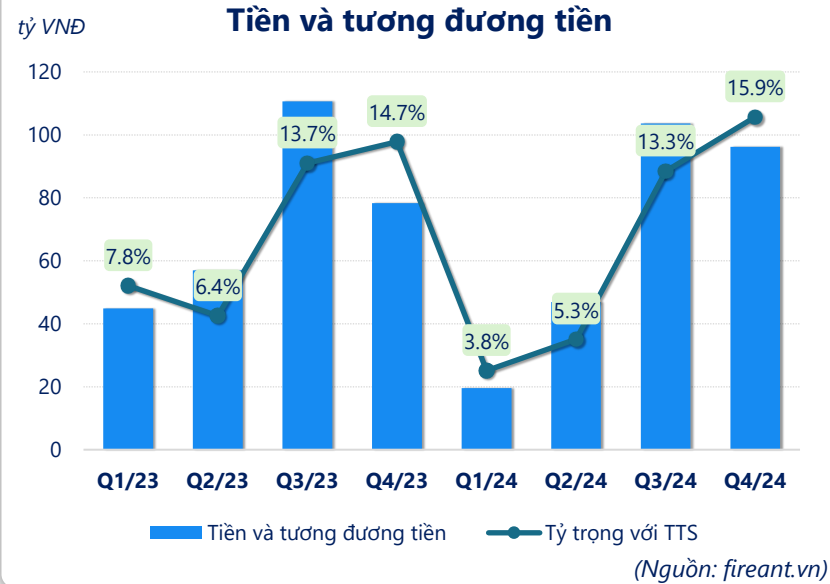
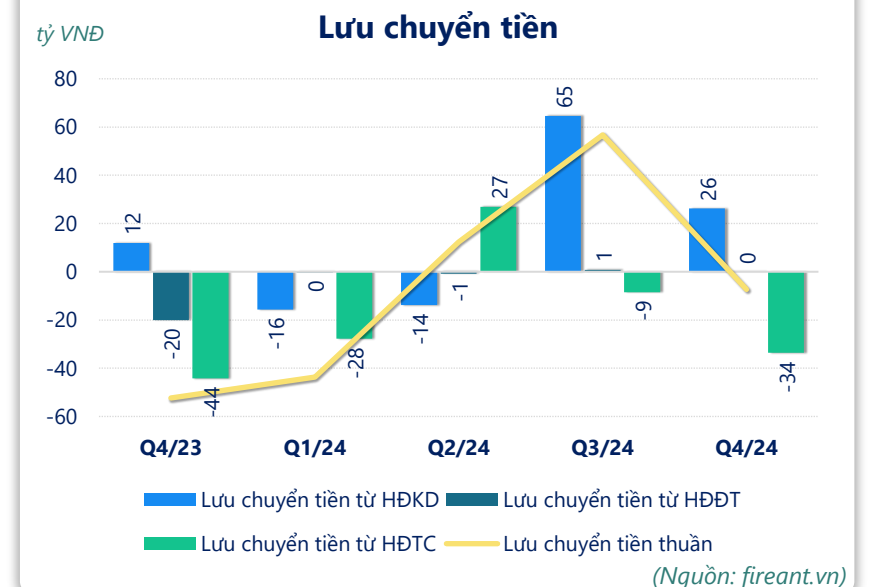
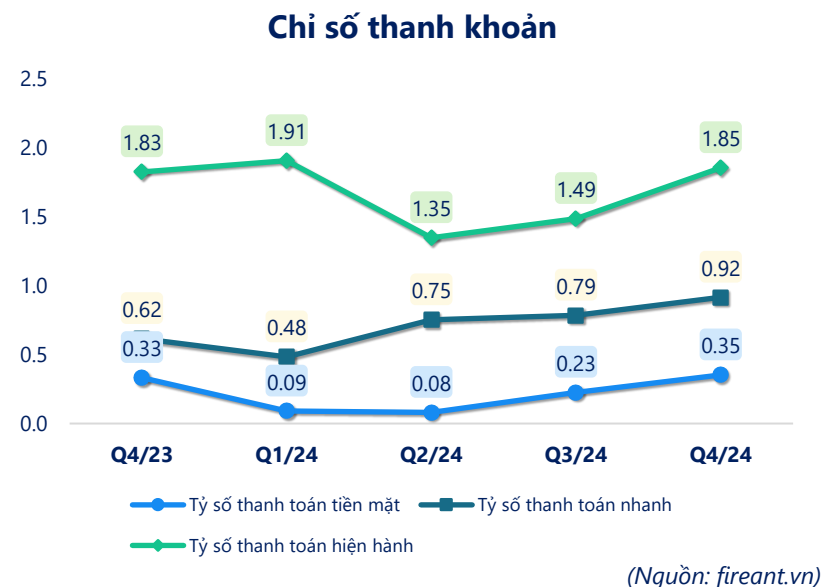
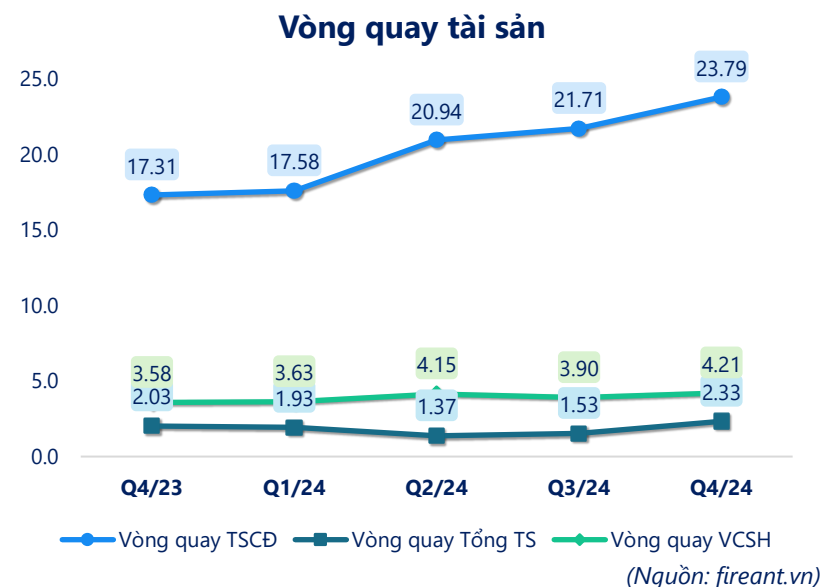
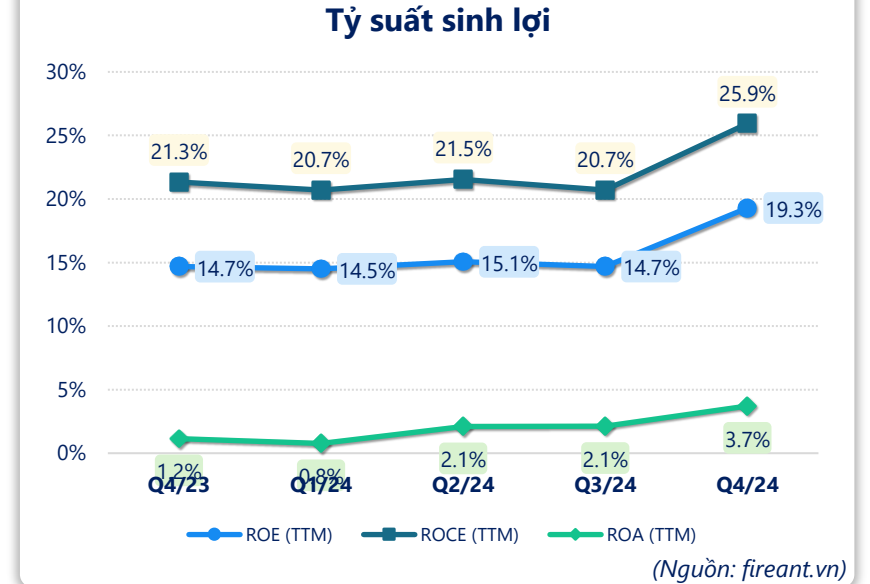
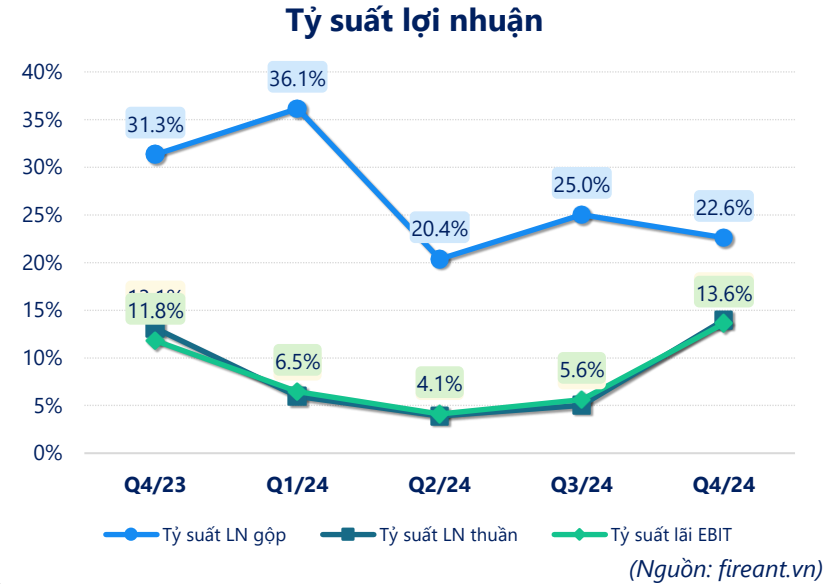
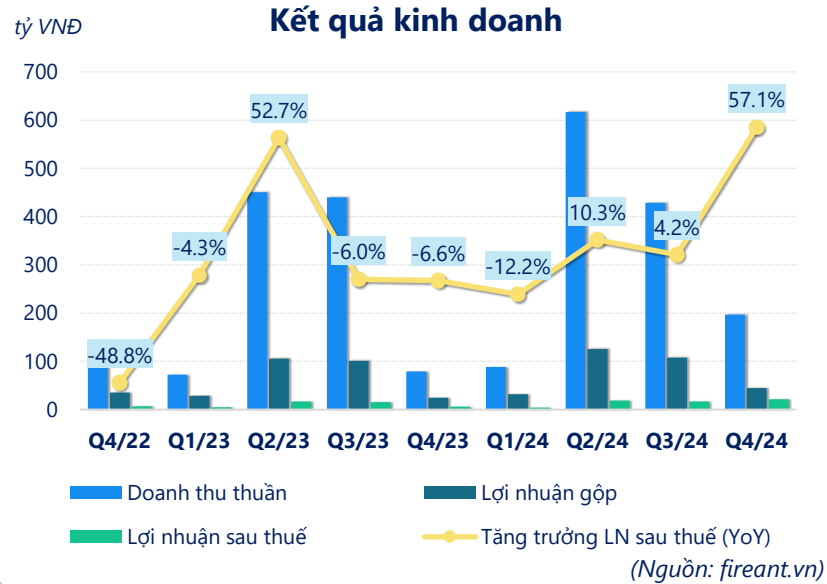


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		23,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,338
SL cổ phiếu LH		9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,475
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		214
P/E		3.5
EPS		6,578

	YTD	1T	3T	6T
SED		7.9%	10.0%	9.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	607	533	13.8%
Tài sản ngắn hạn	507	429	18.2%
Tiền và tương đương tiền	96.2	78.3	23.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	153	58.5	161%
Hàng tồn kho	257	284	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.16	7.79	-85.2%
Tài sản dài hạn	100	105	-4.0%
Phải thu dài hạn	22.2	22.6	-1.7%
Tài sản cố định	54.8	57.1	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.77	0.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	22.6	24.0	-6.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	273	236	15.7%
Nợ ngắn hạn	273	236	15.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.4	70.4	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	46.7	-7.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	334	297	12.4%
Vốn chủ sở hữu	334	297	12.4%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	79.2	88.5	617	429	197
Giá vốn hàng bán	54.3	56.5	491	321	153
Lợi nhuận gộp	24.8	32.0	126	107	44.6
Doanh thu HĐTC	1.92	0.30	0.20	0.09	4.29
Chi phí TC	0.45	0.46	1.85	3.50	-0.85
Chi phí lãi vay	-0.62	0.46	1.03	2.50	-0.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-14.4	19.2	77.3	64.3	-6.27
Chi phí QLDN	30.3	7.37	22.6	17.9	28.4
LN thuần từ HĐKD	10.4	5.26	24.1	21.5	27.6
Lợi nhuận khác	-0.40	-0.01	0.27	-0.01	-0.05
LN trước thuế	9.97	5.26	24.3	21.5	27.5
Lợi nhuận sau thuế	5.93	4.20	18.7	16.9	21.2
LNST của CĐ cty mẹ	5.93	4.20	18.7	16.9	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.9	-15.7	-13.8	64.5	26.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.0	-0.27	-0.76	0.75	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.2	-27.8	26.9	-8.57	-33.6
Tiền đầu kỳ	111	78.3	34.5	46.9	104
Lưu chuyển tiền thuần	-52.3	-43.7	12.4	56.7	-7.37
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	78.3	34.5	46.9	104	96.2

(Nguồn: fireant.vn)